

Bản án số: 26/2024/HS – PT

Ngày: 26/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Bà Vương Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Anh – Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 33/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Mai Văn T do có kháng cáo của anh Vũ Minh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Mai Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T, sinh năm 1959 và bà Khương Thị K, sinh năm 1959; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ bốn; vợ: Nguyễn Kim T, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/10/2023 đến ngày 20/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:** Anh Vũ Minh Q, sinh năm 1993; HKTT: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh N; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Đào Thanh S và công ty TNHH M là người liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Du nhận được đơn trình báo của anh Vũ Minh Q tố cáo Mai Văn Ti, sinh năm 1990, HKTT tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B có hành vi cho vay lãi nặng. Ngoài ra, để có tiền trả gốc và lãi cho T, anh Q đã cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, màu cam, BKS 30E-549.11 cho Đào Thanh S, sinh năm 1991, HKTT tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B với lãi suất cao.

Ngày 14/10/2023, T đầu thú về hành vi phạm tội, giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22, màu tím cùng thẻ sim;

Ngày 15/10/2023, S đầu thú về hành vi phạm tội đồng thời giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen cùng thẻ sim; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, màu cam, Biển kiểm soát (BKS) 30E-549.11 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Ngày 14-15/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Du tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và S; quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra xác định như sau: Do có quan hệ quen biết nên từ đầu năm 2022, anh Q đặt vấn đề vay tiền để mở rộng việc kinh doanh bán trà sữa, T đồng ý và yêu cầu Q vay tiền thì phải trả lãi suất cao. Quá trình vay để có tiền trả nợ và kinh doanh, từ khoảng tháng 3/2022, anh Q đặt vấn đề vay tiền của S (hiện đang làm dịch vụ cầm đồ tại cửa hàng cầm đồ “Hương Sơn” tại thôn Đ, xã Đ) và cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, màu cam, BKS 30E-549.11, S đồng ý với mức lãi suất cao.

Từ ngày 31/3/2022 đến ngày 12/9/2023, Q vay của T 113 lần, tổng số tiền vay 2.289.800.000đ, mức lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 250.000đ/triệu/ngày (tương đương từ 109,5%/năm đến 9.125%/năm vượt quá 5 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Q đã trả cho T 1.967.400.000đ tiền gốc và 224.660.000đ tiền lãi (trong đó, lãi hợp pháp 9.167.014đ; lãi bất hợp pháp là 215.492.986đ), trả tiền mặt 82.400.000đ. Hiện Q còn nợ T số tiền gốc 240.000.000đ.

Quá trình điều tra Q và T đều xác định giữa cả hai có nhiều khoản giao dịch (chuyển khoản) tuy nhiên cả hai xác nhận chỉ những khoản vay đã nêu trên mới là giao dịch cho vay nặng lãi còn các khoản vay khác cả hai không nhớ là tiền gì. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra Q và T xác nhận đã thanh toán toàn bộ số tiền vay, tiền lãi. Hiện Q chỉ còn nợ T số tiền là 240.000.000đ.

Ngoài ra, từ ngày 19/3/2022 đến ngày 4/9/2023 S đã cho Q vay 66 lần, mức lãi suất từ 2.800 đồng/triệu/ngày đến 15.000 đồng/triệu/ngày (tương đương từ 102%/năm đến 548%/năm là vượt quá 5 lần mức lãi suất tối đa 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015); Q vay của S tổng số tiền

1.672.000.000; Q đã thanh toán 1.512.000.000đ tiền nợ gốc, 52.890.000đ nợ lãi (trong đó, lãi hợp pháp 9.161.644đ; lãi bất hợp pháp 43.728.356đ). Q và S có chuyển khoản một số các giao dịch khác nhưng không nhớ nội dung chuyển khoản và cả hai xác định các giao dịch đó không liên quan đến việc cho vay lãi nặng. Hiện Q còn nợ Sơn 160.000.000đ tiền gốc; S không yêu cầu Q thanh toán lãi nữa.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11 màu đen trong gấn thẻ sim; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I 10, màu cam, BKS 30E-549.11 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe đăng ký tên Công ty M của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984, HKTT tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh N (là chú của Q) do S giao nộp; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 của T giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T yêu cầu anh Q phải trả cho T số tiền gốc còn nợ là 240.000.000đ; Bị cáo S yêu cầu anh Q trả bị cáo số tiền 160.000.000đ còn nợ gốc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2024/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Đào Thanh S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt: Mai Văn T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo T 30.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự: Buộc anh Vũ Minh Q phải nộp lại các số tiền còn nợ gốc bị cáo T là 240.000.000đ và số tiền còn nợ gốc bị cáo S là 160.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước;

Bị cáo T phải hoàn trả cho anh Q số tiền 215.492.986đ.

Bị cáo S phải hoàn trả cho anh Q số tiền 43.728.356đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Đào Thanh S; biện pháp tư pháp; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/01/2024 anh Vũ Minh Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị xem xét lại các khoản tiền trong giao dịch giữa anh Q và bị cáo Mai Văn T; yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền thừa là 200 triệu đồng cùng Giấy phép lái xe của anh Q và Giấy đăng kiểm xe ô tô BKS 30E-549.11.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Vũ Minh Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Q cho rằng số tiền giao dịch vay mượn giữa anh và bị cáo T như bản án sơ

thẩm quy kết là không đúng. Anh đã chuyển cho bị cáo hơn 3 tỷ đồng và bị cáo chỉ chuyển cho anh số tiền 2,8 tỷ đồng nên anh yêu cầu bị cáo T phải lại số tiền 200 triệu đồng để nộp sung ngân sách nhà nước và không phải chuyển trả bị cáo 240 triệu đồng. Ngoài ra anh Q yêu cầu bị cáo trả lại Giấy phép lái xe và đăng kiểm xe ô tô BKS 30E-549.11.

Bị cáo T thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng người, đúng tội, không oan. Số tiền giao dịch giữa bị cáo và anh Q như bản án quy kết là đúng. Bị cáo có cầm Giấy phép lái xe và Giấy đăng kiểm xe của anh Q nhưng không thấy anh Q đề nghị trả lại nên bị cáo chưa trả. Bị cáo cam kết sẽ trả lại cho anh Q những giấy tờ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung kháng cáo và các tình tiết khác trong hồ sơ vụ án khẳng định đối với yêu cầu của anh Q là người liên quan đề nghị xem xét lại số tiền vay mượn giữa anh Q và bị cáo T, yêu cầu bị cáo T trả lại 200 triệu cho anh Q là không có căn cứ để chấp nhận; ngoài ra, đối với yêu cầu bị cáo T trả lại giấy tờ cho anh Q, tại phiên tòa bị cáo T cũng cam kết sẽ trả lại cho anh Q, đây là thỏa thuận của hai bên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên không đặt ra xem xét. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Minh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Minh Q không có ý kiến tranh luận gì, chỉ mong muốn sớm lấy lại giấy tờ và chiếc xe ô tô.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Minh Q có kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người liên quan, sao kê tài khoản ngân hàng, biên bản làm việc và các tài liệu chứng cứ khác thì thấy từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, bị cáo T cho anh Q vay tổng số tiền là 2.289.800.000đ, với lãi suất từ 2.833 đồng/triệu/ngày đến 250.000đ/triệu/ngày

(tương đương từ 103%/năm đến 9.125%/năm vượt quá 5 lần mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Anh Q đã trả cho T 1.967.400.000đ tiền gốc và 224.660.000đ tiền lãi (trong đó, lãi hợp pháp 9.167.014đ; lãi bất hợp pháp là 215.492.986đ), trả tiền mặt 82.400.000đ. Hiện anh Q còn nợ T số tiền gốc 240.000.000đ. Do vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Mai Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm sau khi được Điều tra viên giải thích về các tài liệu thống kê giao dịch và xem lại các biên bản làm việc, anh Q đều xác nhận số tiền giao dịch vay mượn giữa anh và bị cáo T đúng như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, những giao dịch khác đều không liên quan đến việc vay lãi nặng, quá trình làm việc tại cơ quan điều tra hoàn toàn khách quan, anh Q không bị ép cung, tự nguyện ký xác nhận vào các tài liệu tại cơ quan điều tra. Tại phiên toà hôm nay, anh cho rằng bị cáo T chỉ chuyển cho anh vay khoảng 2,8 tỷ đồng nhưng anh đã chuyển trả T hơn 3 tỷ đồng và yêu cầu T phải trả lại anh 200 triệu đồng để anh nộp sung ngân sách nhà nước và lấy lại xe ô tô về nhưng anh không đưa ra được căn cứ nào chứng minh. Hơn nữa, anh và bị cáo T đều thừa nhận ngoài khoản bị cáo T cho anh Q vay lãi nặng như trên thì giữa hai bên còn nhiều giao dịch khác không liên quan đến việc cho vay lãi nặng. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Minh Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Đối với yêu cầu trả lại giấy phép lái xe và giấy đăng kiểm xe ô tô, những giấy tờ này không bị thu giữ trong vụ án, không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm nên HĐXX không xem xét.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Minh Q; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự: Buộc anh Vũ Minh Q phải nộp lại các số tiền còn nợ gốc bị cáo T là 240.000.000đ và số tiền còn nợ gốc bị cáo Sơn là 160.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước;

Bị cáo T phải hoàn trả cho anh Q số tiền 215.492.986đ.

Bị cáo S phải hoàn trả cho anh Q số tiền 43.728.356đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Anh Vũ Minh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận anh Vũ Minh Q đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001286 ngày 31/01/2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Bắc Ninh
- CQĐT; VKS; TAND huyện Tiên Du;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa